TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LÂM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2024/HSST
Ngày 30-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Tuấn

Ông Trương Hoài Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Trần Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 241/2024/TLST-HS ngày 05/12/2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2024/QĐXXST-HS ngày 06/12/2024 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Văn V** - Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh năm 1991; nơi sinh: Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Phạm Văn H và con bà: Trịnh Thị V1 (c); TATS: Theo danh chỉ bản số 538 ngày 22/10/2024 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo có 01 tiền án (đã xóa án tích).

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên theo Lệnh bắt, tạm giam của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Hưng Yên; có mặt;

2. **Trịnh Văn B** - Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh năm 1986; nơi sinh: Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 07/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Trịnh Gió B1 và con bà: Nguyễn Thị D; TATS: Theo danh chỉ bản số 537 ngày 22/10/2024 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo có 01 tiền án (đã xóa án tích) và 02 tiền sự (đã được

xóa 01 tiền sự): Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính số 22 ngày 28/8/2024 Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng;

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên theo Lệnh bắt, tạm giam của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Hưng Yên; có mặt;

3. **Nguyễn Quốc H1** - Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh năm 1988; nơi sinh: Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn H, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn V2 và con bà: Nguyễn Thị M; vợ: Đỗ Thị Hồng T; có hai con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015; TATS: Theo danh chỉ bản số 559 ngày 11/11/2024 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo có 01 tiền án (chưa được xóa án tích): Bản án số 68/2020/HSST ngày 03/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện V, Hưng Yên xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội: Cướp giật tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/9/2022;

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Hưng Yên theo Lệnh bắt, tạm giam của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

- *Bị hại:* Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1991, trú tại: Thôn L, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ 30 ngày 19/7/2024, Thái Văn V3, sinh năm 1986, trú tại: Thôn D, xã C, huyện V, Hưng Yên điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh tím than, BKS: 89L1-433.43 chở Phạm Văn V đến nhà Trịnh Văn B chơi. Sau đó, V mượn xe máy của V3 đi cùng B có việc, V3 đồng ý và đi bộ về nhà. V tháo Biển kiểm soát xe của V3 để trong cốp xe và rủ B đi ra ngoài đường xem có ai sơ hở để trộm cắp xe máy bán lấy tiền tiêu sài, B đồng ý. Do trời mưa nên khi đi V có mặc áo mưa kiểu dáng trùm kín người, màu xanh, đeo khẩu trang màu trắng, B có mặc áo mưa kiểu dáng trùm kín người màu nâu, đeo khẩu trang màu trắng, V điều khiển xe máy chở B đi về phía xã L, huyện G, Hà Nội. Khi đi đến siêu thị W có địa chỉ tại đường D, xã L, huyện G, V phát hiện thấy 01 xe máy Honda Wave, màu đen, BKS: 29N2-008.90 của chị Trần Thị N là nhân viên của siêu thị W dựng trước cửa siêu thị vẫn cắm chìa khoá trên xe nên V đỗ xe máy cách chiếc xe máy của chị N khoảng 3-5m và bảo với B, V sẽ vào siêu thị mua đồ còn B đứng ở bên ngoài cách siêu thị khoảng 20m cảnh giới

để khi V mua đồ xong sẽ ra ngoài cửa hàng lấy trộm chiếc xe máy của chị N. Khi V vào trong cửa hàng thấy chị N và chị Quan Thị H2, sinh năm 1995, HKTT: Thôn L, xã K, huyện G, Hà Nội là nhân viên, V mua 01 chiếc bật lửa BIC màu xanh, 01 gói khăn giấy rút màu vàng và ra quầy thu ngân thanh toán hết tổng số tiền 21.100 đồng, V sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng, bên trong có lắp số sim 0906081165 và tài khoản số 1308199133333 Ngân hàng M mang tên V chuyển khoản thanh toán số tiền trên. Sau khi thanh toán xong thì V để điện thoại, bật lửa và khăn giấy vừa mua cho vào trong túi ni lông của cửa hàng đi đến chiếc xe máy Honda Wave Alpha A, màu đen, BKS: 29N2-008.90, chìa khoá xe vẫn cắm ổ khóa xe và dắt xe lùi lại ra đường rồi lên xe nổ máy bỏ chạy khoảng 10m thì V vứt chiếc mũ bảo hiểm trên xe của chị N xuống đường nên đã làm rơi chiếc túi ni lông bên trong có 01 chiếc bật lửa BIC màu xanh, 01 túi giấy rút màu vàng và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng. V điều khiển xe đi qua B và bảo B "đi đi", B có đuổi theo V nhưng không kịp nên B đi về nhà. V điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được đi đến nhà Nguyễn Quốc H1 bảo H1 bán chiếc xe máy vừa trộm cắp được thì H1 đồng ý và gọi điện cho Lê Văn L, sinh năm 1989, trú tại: Thôn H, xã L, huyện V, Hưng Yên và nói có mua xe của V và B vừa trộm cắp được không thì L đồng ý và bảo H1 đi sang nhà L. Sau đó, H1 điều khiển xe Honda Wave Alpha A, màu đen, BKS: 29N2-008.90 do V trộm cắp được còn V điều khiển xe của H1 đến nhà L. Khi đi đến đoạn cánh đồng thôn H thì H1 bảo V đứng để H1 điều khiển xe V trộm cắp vào bán cho L với số tiền 4.700.000 đồng, L chuyển khoản số tiền 4.700.000 đồng từ tài khoản số 0979512389 Ngân hàng S mang tên Le Van L đến tài khoản số 0356045975 Ngân hàng M mang Nguyễn Quốc H1. Sau khi H1 bán xe xong đi ra chỗ V nói bán xe được 4.000.000 đồng, V bảo H1 chuyển cho B 2.000.000 đồng, H1 dùng số tài khoản số 0356045975 Ngân hàng M mang tên Nguyễn Quốc H1 chuyển đến số tài khoản số 0977132487 Ngân hàng M mang tên Trịnh Văn B số tiền 2.000.000 đồng. Sau đó, H1 chở V đi mua điện thoại, làm lại sim điện thoại hết khoảng 800.000 đồng còn 1.200.000 đồng H1 chuyển đến số tài khoản số 1308199133333 mang tên Phạm Văn V. Sau đó, H1 chở V đến nhà B sau đó H1 đi về nhà. V nói với B nhờ H1 bán hộ xe được 4.000.000 đồng, V bảo B chuyển cho V3 500.000 đồng, B đồng ý và sử dụng tài khoản số 0977132487 Ngân hàng M mang tên Trịnh Văn B chuyển vào tài khoản số 0379083481 Ngân hàng M mang tên Thái Văn V3 số tiền 500.000 đồng. Sau đó, V đi về nhà.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 174/KL-HĐĐGTS ngày 27/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A, màu đen, biển kiểm soát: 29N2-

008.90, số máy: JA70E0065626, số khung: RLHJA3933PY616724, xe đã qua sử dụng, tại thời điểm bị xâm hại chiếc xe có trị giá là 18.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 244/CT-VKSGL ngày 28/11/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố các bị cáo Phạm Văn V và Trịnh Văn B về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Nguyễn Quốc H1 về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

+ Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn V và Trịnh Văn B phạm tội Trộm cắp tài sản tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc H1 phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

+ Hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn V từ 18 tháng tù đến 22 tháng tù, kể từ ngày bắt thi hành án.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trịnh Văn B từ 14 tháng tù đến 18 tháng tù, kể từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H1 từ 14 tháng tù đến 18 tháng tù, kể từ ngày bắt thi hành án.

+ Hình phạt bổ sung: Không.

+ Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy: 01 túi nilong màu trắng có dòng chữ W màu đỏ bên ngoài, 01 gói giấy rút bọc nilong màu vàng, một bật lửa BIC màu xanh.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn V: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu hồng, bị vỡ mặt kính điện thoại.

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Văn V và Trịnh Văn B phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại là chị Trần Thị N mỗi bị cáo 9.250.000 đồng.

Nói lời sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn nhận tội và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng huyện G là hợp pháp.

- Về tội danh:

[2]. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, bản Kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 19/7/2024 tại siêu thị W đường D, xã L, huyện G, thành phố Hà Nội, bị cáo Phạm Văn V và bị cáo Trịnh Văn B đã có hành vi trộm cắp 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave A, màu đen, BKS: 29N2-008.90 trị giá 18.500.000 đồng của chị Trần Thị N. Sau khi trộm cắp, V và Nguyễn Quốc H1 mang đi tiêu thụ được số tiền 4.700.000 đồng. Bị cáo H1 nhận thức được đó là tài sản do trộm cắp mà có và được hưởng lợi 700.000 đồng.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Phạm Văn V là người khởi xướng, thực hành tích cực còn Trịnh Văn B là người giúp sức.

[3]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm trật tự công cộng được Bộ luật Hình sự bảo vệ. Do vậy, cần phải nghiêm trị đối với các bị cáo.

[4]. Hành vi của các bị cáo Phạm Văn V và Trịnh Văn B đã có đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản"; tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc H1 đã

có đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"; tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[5]. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đề nghị truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6]. Về tình tiết tăng nặng:

[6.1]. Nhân thân của bị cáo Phạm Văn V có 01 tiền án: Bản án 301/2019/HSST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân quận L xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/01/2021; tiền án trên của bị cáo đã được xóa nên bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6.2]. Nhân thân của bị cáo Trịnh Văn B có 01 tiền án: Bản án số 34 ngày 11/6/2014 Tòa án nhân dân huyện V, Hưng Yên xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/4/2015; tiền án này của bị cáo đã đương nhiên được xóa;

Và 02 tiền sự: Quyết định số 464 ngày 30/3/2007 của UBND quận H đưa Trịnh Văn B vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo đã chấp hành xong nên tiền sự này của bị cáo đã đương nhiên được xóa và Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính số 22 ngày 28/8/2024 Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng; tiền sự này của bị cáo chưa được xóa. Như vậy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6.3]. Nhân thân của bị cáo Nguyễn Quốc H1 có 01 tiền án: Bản án số 68/2020/HSST ngày 03/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện V, Hưng Yên xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội: Cướp giật tài sản; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù 23/9/2022, chưa được xóa án tích nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về việc áp dụng hình phạt:

[8]. Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội cùng nhân thân của các bị cáo là xấu và đáng lưu ý trước khi thực hiện hành vi phạm tội lần này, các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có tại huyện V, tỉnh Hưng Yên, hiện đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Hưng Yên khởi tố và điều tra, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhằm cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nhận định ở trên.

Xét vị trí, vai trò của bị cáo Phạm Văn V và bị cáo Trịnh Văn B thấy cần áp dụng mức án của bị cáo V cao hơn so với bị cáo B là có căn cứ.

- Về trách nhiệm dân sự:

[9]. Bị hại là chị Trần Thị N yêu cầu các bị cáo Phạm Văn V, Trịnh Văn B bồi thường số tiền 18.500.000 đồng là có căn cứ nên buộc bị cáo V và bị cáo B phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho chị N số tiền 18.500.000 đồng (mỗi bị cáo 1/2 = 9.250.000 đồng).

- Về hình phạt bổ sung:

[10]. Xét thấy các bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ.

- Về xử lý vật chứng:

[11]. Thu giữ của bị cáo V 01 túi nilong màu trắng có dòng chữ W màu đỏ bên ngoài, 01 gói giấy rút bọc nilong màu vàng, một bật lửa BIC màu xanh bị cáo V không yêu cầu lấy lại và đề nghị Tòa án tiêu hủy nên cần cho tịch thu tiêu hủy là có căn cứ.

Thu giữ của bị cáo V 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu hồng, bị vỡ mặt kính điện thoại, bật nguồn không lên, không liên quan hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo là có căn cứ.

- Về các vấn đề khác:

[12]. Bị cáo Nguyễn Quốc H1 khai: Đã bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A, màu đen, BKS: 29N2-008.90 cho đối tượng Lê Văn L nhưng L vắng mặt tại nơi cư trú nên chưa lấy được lời khai. Ngày 27/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G ra quyết định số 3696/QĐ-ĐCSHS về việc tách hành vi và tài liệu liên quan đến Lê Văn L để tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[13]. Đối với hành vi của Thái Văn V3: Ngày 19/7/2024 đã cho Phạm Văn V mượn xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh tím than, BKS: 89L1-433.43. Quá trình điều tra xác định, V3 không biết việc V mượn xe của V3 để đi trộm cắp tài sản. Do đó, không có căn cứ xử lý đối với Thái Văn V3.

- Về án phí:

[14]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo:

[15]. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

1. Xử phạt bị cáo Phạm Văn V **20** (Hai mươi) tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Xử phạt bị cáo Trịnh Văn B **15** (Mười lăm) tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

* Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H1 **15** (Mười lăm) tháng tù về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

* Về hình phạt bổ sung: Không.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự: Buộc các bị cáo Phạm Văn V và Trịnh Văn B phải bồi thường thiệt hại cho chị Trần Thị N số tiền 18.500.000 đồng (mỗi người 1/2 là 9.250.000 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 túi nilong màu trắng có dòng chữ W màu đỏ bên ngoài, 01 gói giấy rút bọc nilong màu vàng, một bật lửa BIC màu xanh;

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Văn V 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu hồng, bị vỡ mặt kính điện thoại, bật nguồn không lên.

(Hiện có tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Gia Lâm theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/12/2024).

* Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Phạm Văn V, Trịnh Văn B, Nguyễn Quốc H1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo Phạm Văn V, Trịnh Văn B, mỗi bị cáo phải chịu 463.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

* Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;*
- *VKSND huyện G;*
- *Công an huyện G;*
- *UBND xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên; UBND thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Thay cho thông báo kết quả xét xử);*
- *Chi cục THADS huyện Gia Lâm;*
- *Bị cáo và những người TGTT khác;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Dũng